

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

“Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:**
Ông Hoàng Văn Quỳnh – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

* **Bị đơn:** Bà Bé Thị T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. **Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết với nhau, ngày 03/9/2023 bà L có cho bà Bé Thị T vay số tiền 348.000.000.000 đồng, khi vay có lập giấy vay mượn viết tay,

thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 20%/năm, thời hạn vay là từ ngày 03/9/2023 đến ngày 03/11/2023, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, bà T ký nhận nợ. Từ ngày vay đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng bà T chưa trả được cho bà L số tiền nợ gốc và lãi, bà L đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà T trả tiền nhưng không được. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bé Thị T trả số tiền nợ gốc 348.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 03/9/2023 cho đến khi trả hết nợ. Tại phiên tòa bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện là không tính tiền lãi suất mà chỉ yêu cầu trả tiền gốc.

** Bị đơn bà Bé Thị T:* Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Bé Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền nợ gốc 348.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L đứng đơn khởi kiện; bị đơn bà Bé Thị T có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện B. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn bà Bé Thị T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé Thị T.

Bà Bé Thị T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

3.1. Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 03/9/2023 thì xác định bà Bé Thị T có vay của bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 348.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để đáo hạn ngân hàng. Đến hạn trả nợ nhưng bà T không trả nợ cho bà L. Xét thấy giấy mượn tiền ngày 03/9/2023 có nội dung bà T vay tiền của L nên đây được xác định là hợp đồng vay tiền có thời hạn trả nợ, bà T có ký tên xác nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, thể hiện sự trốn tránh nghĩa vụ và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 348.000.000 đồng là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

3.2. Về số tiền lãi:

Tại phiên tòa bà L rút yêu cầu phần lãi suất, không yêu cầu bà T trả tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi suất.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bé Thị T phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 96; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468, 470, 476 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim L.

Buộc bà Bé Thị T có nghĩa vụ trả cho bà bà Huỳnh Thị Kim L số tiền nợ gốc là 348.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Bé Thị T phải có nghĩa vụ chịu nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.400.000 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 9.982.000 đồng (*Chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008184 ngày 18/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Bé Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ TUYẾT